

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG - TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Huy Diệu;
2. Ông Nguyễn Tất Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; nơi đăng ký HKTT: Thôn ..., xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương; hiện trú tại: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Vũ Như T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn ..., xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

- Người làm chứng

1. Bà Nguyễn Thị Hiệp, sinh năm 1969; trú tại: Thôn H, xã M, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị Dần, sinh năm 1962; trú tại: Thôn ..., xã H, huyện Gi, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – chị H trình bày: Chị và anh Vũ Như T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Gi (nay là xã H) tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/9/2008. Sau khi kết hôn, hai người chung sống cùng gia đình anh T tại xã Gi, huyện Gi; cuộc sống chung giữa hai người chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính nết, quan điểm sống không hợp nhau, anh T ham chơi, không tu chí làm ăn. Chị và hai bên gia đình góp ý khuyên bảo nhưng anh T không thay đổi, nhiều lần đánh chửi chị thậm tệ. Do mâu thuẫn, tháng 7 năm 2019 chị về sống cùng gia đình bố mẹ đẻ tại huyện L, tỉnh Hải Dương, cũng từ đó hai người không gặp gỡ, quan tâm đến nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn.

Về quan hệ con chung: Chị và anh T có 02 con là Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 15/8/2009 và Vũ Minh L, sinh ngày 20/7/2012, các con hiện chị đang nuôi dưỡng. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân, từ tháng 7 năm 2019 đến nay anh T không gặp gỡ, quan tâm đến các con. Ly hôn, chị đề nghị giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; hiện chị có đủ điều kiện kinh tế, được bố mẹ hỗ trợ về chỗ ở và trông nom, chăm sóc các con nên chị đủ điều kiện nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Vũ Như T: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Tại “Đơn tường trình” đề ngày 15/11/2023 gửi qua dịch vụ bưu chính đến Tòa án, anh T trình bày: Về việc kết hôn, thời gian chung sống, con chung đúng như chị H trình bày, anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn gì và anh không nhất trí ly hôn.

Tại lời khai của bà Nguyễn Thị H1 là mẹ đẻ của chị H trình bày: Về việc kết hôn, thời gian chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung giữa chị H và anh T đúng như chị H trình bày. Bà đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H ly hôn anh T, giao 02 con cho chị H nuôi dưỡng, bà cam kết hỗ trợ chị H về chỗ ở và trông nom, chăm sóc các con.

Tại lời khai của bà Trần Thị D là mẹ đẻ của anh T trình bày: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống, con chung giữa anh T và chị H đúng như chị H trình bày, còn về mâu thuẫn bà xác định trong thời gian anh chị chung sống cùng bà thì không có mâu thuẫn gì trầm trọng, còn khi anh chị ra tỉnh Quảng Ninh sống, làm ăn bà không nắm được. Năm 2019 chị H về sống cùng mẹ đẻ, còn anh T đi làm ăn ở tỉnh

ngoài thỉnh thoảng mới về thăm vợ chồng bà. Nay chị H xin ly hôn, bà đề nghị Toà án tổ chức hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ, trường hợp ly hôn Toà án giao 01 con cho anh T nuôi dưỡng mà anh T cứ đi làm ăn xa thì vợ chồng bà không đủ điều kiện sức khoẻ để trông nom, chăm sóc con hộ anh T, còn nếu anh T về làm gần nhà bà đề nghị Toà án giao cả 02 con cho anh T nuôi dưỡng.

Toàn bộ các giấy tờ, thông báo, triệu tập của Toà án bà đều thông báo đầy đủ cho anh T biết.

Tại biên bản xác minh, chính quyền xã H cung cấp: Địa phương xã H xác định hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp, quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho hai người ly hôn. Về con chung, đề nghị Toà án căn cứ nguyện vọng của các con, điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai người để giao con cho phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các con.

Tại đơn trình bày nguyện vọng: Cả hai con Vũ Thị Ngọc A và Vũ Minh L đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên Tòa: Chị H, anh T đều vắng mặt, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh T; đề nghị Tòa án giao cả 02 con cho chị nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. Ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; Điều 147, các điều 227, 228, 232, 238, 262 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Như T; giao 02 con Vũ Thị Ngọc A và Vũ Minh L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh T đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa

không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] Chị Nguyễn Thị H và anh Vũ Như T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã Gi (nay là xã H), huyện Gi nơi sinh sống của anh T tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của pháp luật nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[3] Tháng 7 năm 2019, do vợ chồng mâu thuẫn, chị H cùng 02 con về sống cùng mẹ đẻ tại huyện L, tỉnh Hải Dương, hai người sống ly thân, không gặp gỡ, quan tâm đến nhau từ đó cho đến nay. HĐXX thấy rằng, tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau..Như vậy, việc anh chị không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh T.

[4] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con là Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 15/8/2009 và Vũ Minh L, sinh ngày 20/7/2012, hiện các con đang ở cùng chị. Sau khi ly hôn, chị H đề nghị giao 02 con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con. HĐXX thấy rằng: Từ tháng 7 năm 2019 do mâu thuẫn, chị H và 02 con về sống cùng bố mẹ đẻ của chị, kể từ đó 02 con do một mình chị H nuôi dưỡng, chăm sóc cùng với sự giúp đỡ của bố mẹ chị; anh T không gặp gỡ, quan tâm đến các con. Hiện các con đều phát triển bình thường, có sức khỏe tốt, bên cạnh đó chị có đủ điều kiện về kinh tế, được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ở, trông nom, chăm sóc con nên chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Mặt khác, các con đều có nguyện vọng ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Như vậy, để giữ ổn định, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX giao 02 con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết, nếu sau này các bên có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; các điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Vũ Như T.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Vũ Thị Ngọc A, sinh ngày 15/8/2009 và con Vũ Minh L, sinh ngày 20/7/2012 cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị H không buộc anh Vũ Như T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Anh Vũ Như T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0000492 ngày 30 tháng 10 năm 2023.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H, H. Gi;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Quốc Quân